

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 35/2020/HSST

Ngày: 27 - 5 - 2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Bà Nguyễn Thị Chiều

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 háng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H (tên gọi khác: T), sinh năm 1991 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Năm 2019 bị Ủy ban nhân dân xã Phương Đình, huyện Đ, Thành phố Hà Nội ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã;

Nhân thân: Năm 2010, bị Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; năm 2011 bị Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; năm 2013 bị Toà án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 40 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; danh bản, chỉ bản số 296 ngày 09/9/2009 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà

Nội; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 15/9/2019 tại ngoại; tạm giam: Không; có mặt.

2. Phạm Văn P (tên gọi khác: L), sinh năm 1989 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị P; có vợ (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Ngày 29/7/2017 bị Toà án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 295 ngày 09/9/2019 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 15/9/2019 tại ngoại; ngày 03/3/2020 bị bắt theo Quyết định truy nã số 01 ngày 26/02/2020, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

3. Nguyễn Văn T (tức T đen), sinh năm 1991 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Năm 2019 bị Ủy ban nhân dân xã Phương Đình, huyện Đ, Thành phố Hà Nội ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã; nhân thân: Năm 2010, bị Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; năm 2006 Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng; danh bản, chỉ bản số 293 ngày 09/9/2019 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 15/9/2019 tại ngoại; ngày 12/3/2020 bị bắt theo Quyết định truy nã số 02 ngày 04/3/2020, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

4. Dương Quang T1, sinh năm 1993 tại huyện P Thọ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 8, xã P, huyện P Thọ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Mạnh và bà Đỗ Thị Liễu; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/8/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện P Thọ, Thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn 2 năm; ngày 04/8/2015 Ủy ban nhân dân huyện P Thọ quyết định về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, đến ngày 06/8/2017 chấp hành xong; danh bản, chỉ bản số 292 ngày 09/9/2019 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 15/9/2019 tại ngoại; tạm giam: Không; có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Trần Duy K, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 1 H, phường P, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện HG, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Khoa, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện HG, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Bùi Cao H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 2/38 phố Phan Đình PH, thị trấn PH, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu 6, thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn La Thạch, xã Phương Đình, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Anh Vũ Minh H, sinh năm 2000; địa chỉ: Phố C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn Quân, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Chị Khả Thị Thắm, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm L, xã Vạ, huyện M, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 31/8/2019, Nguyễn Văn H (tức Tùng) ở Thôn Đ, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu cam, biển kiểm soát 36E1-34254 đến nhà Nguyễn Văn T ở cùng thôn Dịch Trung để rủ T đi trộm cắp xe máy, T đồng ý. T điều khiển xe máy trên chõ H phía sau đi ra khu vực đường Hoàng Công Chất thuộc phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội thì phát hiện thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 29L1-

43954 của anh Trần Duy K ở số 136 đường Hoàng Công Chất, phường Phú Diễn, đang dựng trước cửa nhà. H bảo T dùng xe, T đứng cạnh giới cách chiếc xe máy BKS 29L1-43954 khoảng 3-4m. H đi bộ quan sát thấy không có ai trông giữ nên dùng vạm phá khóa xe máy, nổ máy đi về phòng trọ của Phạm Văn P (tức Lượng ở thôn Địch Đình, xã Phương Đình, huyện Đan Phượng) ở khu vực Cầu Gáo, xã Đan Phượng, huyện Đ. Khi đến phòng trọ của P, H rủ P đi gửi xe vừa trộm được vào bãi xe của Bệnh viện đa khoa huyện Đ. Trên đường về, H gọi điện cho T bảo gửi xe máy BKS 36E1-34254 vào bãi xe của Bệnh viện. Sau khi gửi xe H cầm vé xe, rồi H và P đi taxi về phòng trọ của P. Khoảng 30 phút sau, T đi về phòng trọ của P và đưa vé gửi xe máy trên cho H.

Đến ngày 01/9/2019, H bảo P đến bãi xe của Bệnh viện đa khoa huyện Đ để lấy chiếc xe máy BKS 29L1-43954. Sau đó, P rủ T cùng đi đến bãi xe của Bệnh viện để lấy xe máy trên về phòng trọ của P. P hỏi T về nguồn gốc chiếc xe máy, T nói xe máy trên là do H và T trộm được ở khu vực Cầu Diễn nên P mang về để tại phòng trọ, còn T đi về nhà. Đến ngày 04/9/2019, H nhờ P bán hộ chiếc xe máy BKS 29L1-43954, P đồng ý. Khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, P gặp Dương Quang T1 ở Cụm 8, xã P, huyện P Thọ, Thành phố Hà Nội tại khu vực Cầu Gáo, xã Đan Phượng và P bảo T1 “Có con xe ông lấy không, xe chúng nó nhẩy được, chỉ mấy triệu thôi”, T1 hiểu là xe do trộm cắp mà có nên T1 nói “Ông về đi xe lên đây”. Sau đó, P về phòng trọ điều khiển chiếc xe máy BKS 29L1-43954 đến khu vực cây đa thuộc Cầu Gáo, xã Đan Phượng bán cho T1 với giá 5.500.000 đồng. P đưa 2.000.000 đồng cho H, còn 3.500.000đ thì P hỏi vay H. H và P đã chỉ tiêu cả nhân hết số tiền.

Sau khi mua được xe máy, Dương Quang T1 đã thay ổ khóa mới (do khi mua xe ổ khóa bị hỏng). Đến ngày 05/9/2019, T1 đang điều khiển xe máy trên ở khu vực Cầu Gáo, xã Đan Phượng thì bị Công an kiểm tra, phát hiện và thu giữ của T1 01 chiếc điện thoại di động Nokia có số thuê bao 0363319889 và chiếc xe máy BKS 29L1-43954. Ngày 06/9/2019, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn P và Nguyễn Văn H, thu giữ của P 01 chiếc điện thoại di động Nokia có số thuê bao 0961506492, không thu giữ gì của H. Cùng ngày, Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Văn T 01 đôi giày màu trắng và 01 áo cộc màu trắng, T khai giày và áo là của H nhờ T cầm từ nhà P về nhà T vào ngày 31/8/2019.

Ngoài ra, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Phạm Văn P khai nhận trong tháng 8/2019 còn 02 lần trộm cắp tài sản như sau:

Lần thứ 1: Khoảng 12h00 ngày 03/8/2019, Phạm Văn P đang ở phòng trọ tại khu vực Cầu Gáo, xã Đan Phượng thì Nguyễn Văn H điều khiển 01 chiếc xe máy Future màu xanh, không rõ biển kiểm soát đến phòng trọ của P và rủ P đi trộm cắp tài sản. H điều khiển chiếc xe máy chở P ngồi phía sau đi ra khu vực cụm Công nghiệp

vừa và nhỏ Từ Liêm thuộc phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội thì nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 30M6-1923 của anh Nguyễn Văn Khoa ở khu 6, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội đang dựng trên vỉa hè. H dừng xe lại rồi vào gần chỗ để chiếc xe máy, còn P đứng cách vị trí chiếc xe máy trên khoảng 5m để cảnh giới. Sau đó, H lấy vạm phá khoá mang sẵn trong người phá hỏng ổ khoá của xe, điều khiển chiếc xe máy BKS 30M6-1923 đi khoảng 500m thì H giấu chiếc xe máy trên vào bụi cỏ ven đường và mở cốp xe máy trên thấy bên trong có Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Tú, sinh năm 1976 ở khu 6, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Chứng minh thư nhân dân và Giấy phép lái xe mang tên anh Khoa, cùng một số giấy tờ khác. Khi về đến khu vực gần phòng trọ, H vứt bỏ Chứng minh thư nhân dân và Giấy phép lái xe của anh Khoa tại bãi rác gần đó, còn P điều khiển xe máy Future đi sau. Sau đó, H quay lại bụi cây lấy xe máy BKS 30M6-1923 và đổi xe cho P. H và P mỗi người điều khiển một xe máy về phòng trọ của P. P điều khiển chiếc xe máy BKS 30M6-1923 chở Khả Thị Thắm (tức Linh), sinh năm 1992 ở Xóm Lọng, xã Vạo Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình (là người yêu của P) đến nhà Hoàng Văn Minh ở thôn La Thạch, xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, để xe máy ở nhà Minh và nhờ Minh bán hộ, Minh đồng ý. Do sợ Minh không bán được nên P tiếp tục gọi điện cho Nguyễn Việt Hưng, sinh năm 1986 ở thôn La Thạch, xã Phương Đình, huyện Đ. P nói với Hưng là có xe máy không dùng muốn bán và nhờ Hưng bán hộ, Hưng đồng ý. Sau đó, P gặp Hưng tại quán nước khu vực Cầu Gáo, xã Đan Phượng, P gọi điện bảo Minh mang xe máy BKS 30M6-1923 ra chỗ Hưng và P đang ngồi. Tại đây, P bảo Minh đưa xe máy trên cho Hưng, P đưa Giấy đăng ký xe máy trên cho Hưng và đưa cho Hưng số điện thoại của Nguyễn Hữu Phương, sinh năm 1990 ở Thôn Đ, xã P, huyện Đ và nói Hưng liên hệ với Phương để bán xe.

Sau đó, Hưng bán cho Phương chiếc xe trên với giá 17.000.000 đồng. Hưng mang tiền về đưa toàn bộ số tiền trên cho P, P đưa cho H 1.500.000 đồng, còn 15.500.000 đồng P cầm. P và H đã chỉ tiêu cá nhân hết số tiền. Đến ngày 05/9/2019, Phương tự nguyện giao nộp chiếc xe máy trên cùng đăng ký xe máy cho cơ quan Công an.

Lần thứ 2: Khoảng 17h00 ngày 30/8/2019, Nguyễn Văn H điều khiển xe máy BKS 36E1-342.54 đến rú T cùng đi trộm cắp xe máy, T đồng ý điều khiển xe máy trên chở H ngồi phía sau. Khi đến khu vực ngã tư Trôi thuộc huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội thì H và T phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS 29X5-331.50 của anh Nguyễn Văn K ở khu 6, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, đang dựng trước cửa nhà. H bảo T dừng xe lại đứng cảnh giới, còn H đi vào dùng vạm phá khoá mang theo người phá khoá và điều khiển chiếc xe máy trên đi về khu

vực chân cầu PH, thị trấn PH, huyện Đ. Tại đây, H tháo biển số của xe máy cho vào cốp rồi cùng T mang xe máy vừa trộm được xuống xã Trung Châu, huyện Đ để bán nhưng không bán được. H lắp lại biển số xe và bảo T đi gửi xe máy BKS 29X5-331.50 tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ, còn H đi xe máy BKS 36E1-342.54 về nhà. Sau khi gửi xe máy, T đưa vé gửi xe cho H. Khoảng 02 ngày sau, H đưa lại vé xe máy và bảo T lấy xe máy mang gửi ở bãi trông giữ xe nhà Bùi Cao Huy, sinh năm 1992 ở số 2 ngõ 38 Phan Đình PH, thị trấn PH, huyện Đ. Ngày 06/9/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Bùi Cao Huy chiếc xe máy trên; ngày 28/10/2019, Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Văn H 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 36E1-342.54.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐ ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 29L1-43954, số khung 360745, số máy 4266978, đã qua sử dụng có trị giá là 21.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ ngày 23/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 30M6-1923, số khung 331159, số máy 0377114, đã qua sử dụng có trị giá 21.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐ ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen, biển kiểm soát 29X5-33150, số khung 4612EZ744504, số máy JF46E7544521, đã qua sử dụng, có giá trị 26.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐ ngày 13/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu cam, biển kiểm soát 36E1-34254, số máy 0635534, số khung 380276, xe đã qua sử dụng có giá trị 20.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 36/CT-VKS-ĐP ngày 07 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố Nguyễn Văn H về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố Phạm Văn P về tội Trộm cắp tài sản, tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 173 khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Dương Quang T1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Dương Quang T1 đều khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung nêu trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Việt Hưng xác nhận có bán hộ Phạm Văn P 01 chiếc xe máy cho anh Nguyễn Hữu Phương, anh Hưng không biết

nguồn gốc chiếc xe là do trộm cắp, vì có Giấy đăng ký xe máy; anh Hưng đề nghị bị cáo P phải hoàn trả cho anh Phương số tiền đã nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản; Phạm Văn P về tội Trộm cắp tài sản, tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Dương Quang T1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn P từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tổng hợp hình phạt cả hai tội từ 27 tháng tù đến 33 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Dương Quang T1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 579, 580 Bộ luật dân sự. Về trách nhiệm dân sự, các bị hại là anh Nguyễn Văn K, anh Trần Duy K và anh Nguyễn Văn Khoa đều đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự nên không đề nghị xem xét.

Buộc Nguyễn Văn H và Phạm Văn P phải hoàn trả anh Nguyễn Hữu Phương số tiền 17.000.000 đồng, trong đó H phải hoàn trả 1.500.000 đồng, còn P phải hoàn trả 15.500.000 đồng. Buộc Nguyễn Văn H nộp số tiền 2.000.000 đồng, Phạm Văn P nộp số tiền 3.500.000 đồng thu lợi bất chính, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia có số thuê bao 0363319889 thu giữ của Dương Quang T1 và 01 điện thoại di động Nokia có số thuê bao 0916506492 thu giữ của Phạm Văn P. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo phong cộc tay, 01 đôi giày màu trắng thu giữ đối với Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 04/9/2019 Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội phát hiện vụ việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại khu vực Cầu Gáo, xã Đan Phượng, huyện Đ. Sau khi xác minh mở rộng, ngày 15/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố vụ án Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và

Trộm cắp tài sản. Do các vụ án về Trộm cắp tài sản xảy ra tại địa bàn quận Bắc Từ Liêm và huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội nên trong quá trình điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã có văn bản đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức và quận Bắc Từ Liêm điều tra vụ án. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức và quận Bắc Từ Liêm đã có văn bản đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành điều tra, xử lý các vụ án trộm cắp tài sản trong cùng vụ án Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có xảy ra tại huyện Đ, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội và việc giải quyết vụ án được toàn diện.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T và Dương Quang T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai của bị hại, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/8/2019 đến ngày 31/8/2019, Nguyễn Văn H cùng Nguyễn Văn T và Phạm Văn P nhiều lần đến địa bàn huyện Hoài Đức và quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội dùng vạm phá khóa lấy trộm 03 chiếc xe máy mang về khu vực Cầu Gáo, xã Đan Phượng, huyện Đ, Thành phố Hà Nội để tiêu thụ, cụ thể:

Ngày 03/8/2019, Nguyễn Văn H cùng Phạm Văn P lấy trộm 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 30M6-1923 trị giá 21.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Khoa. Sau đó, P nhờ Nguyễn Việt Hưng bán cho Nguyễn Hữu Phương được 17.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2019, Nguyễn Văn H cùng Nguyễn Văn T lấy trộm 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 29X5-331.50 trị giá 26.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn K. Sau đó, T mang gửi tại nhà anh Bùi Cao Huy ở phố Phan Đình PH, thị trấn PH, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, đến ngày 06/9/2019 thì bị phát hiện.

Ngày 31/8/2019, Nguyễn Văn H cùng Nguyễn Văn T lấy trộm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 29L1-439 54 trị giá 21.000.000 đồng của anh Trần

Duy K. Đến ngày 04/9/2019, P mang bán xe máy trên cho Dương Quang T1 được 5.500.000 đồng (P và T1 biết rõ chiếc xe là tài sản trộm cắp nhưng vẫn mua bán với nhau). Số tiền trên H và P đã chi tiêu cả nhân hết.

[3] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Phạm Văn P dùng thủ đoạn lén lút để chiếm đoạt tài sản của các bị hại, mục đích đem bán lấy tiền sử dụng, đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Văn H đã có ba lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại, tổng giá trị tài sản là 68.000.000 đồng nên phạm tội theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T hai lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại, tổng giá trị tài sản là 47.000.000 đồng; bị cáo Phạm Văn P 01 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản là 21.000.000 đồng nên hành vi của T và P phạm tội theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn P còn có hành vi liên lạc với Dương Quang T1 để bán chiếc xe máy do Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T trộm cắp có trị giá 21.000.000 đồng, cả P và T1 đều biết rõ là tài sản do trộm cắp nhưng vẫn mua bán với nhau nên P, T1 đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo qui định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại các địa phương. Các bị cáo do lười lao động nhưng lại muốn có tiền để hưởng thụ và do lòng tham của bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Vụ án có đồng phạm nhưng tính chất chỉ là đồng phạm giản đơn, tuy nhiên trong vụ án bị cáo Nguyễn Văn H có vai trò chính, năm 2019 đã bị Ủy ban nhân dân xã Phương Đình, huyện Đ ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã và đã từng ba lần bị Tòa án xét xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, mặc dù bị cáo đã được xóa án nhưng thể hiện nhân thân bị cáo là xấu. Bị cáo Nguyễn Văn T có vai trò sau H; bị cáo T năm 2019 đã bị Ủy ban nhân dân xã Phương Đình, huyện Đ ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã và năm 2006 đã từng bị Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, năm 2010 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, tuy bị cáo T đã được xóa án nhưng thể hiện nhân thân bị cáo cũng là xấu, trong quá trình điều tra sau khi được Cơ quan điều tra cho tại ngoại đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Các bị cáo H, T đều thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản, trong đó H ba lần và T hai lần nên hành vi của các bị cáo này thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52

Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H, T cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn P thực hiện một lần hành vi trộm cắp tài sản, ngoài ra còn thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản nên phạm hai tội, bị cáo cũng là người sử dụng phần lớn số tiền bán xe máy trộm cắp. Bản thân bị cáo P đã có 01 tiền án về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và chưa được xóa án, thể hiện nhân thân bị cáo là xấu, trong quá trình điều tra sau khi được Cơ quan điều tra cho tại ngoại đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, cũng cần phải có hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Dương Quang T1 năm 2013 đã bị Ủy ban nhân dân huyện P Thọ ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Do đó, đối với bị cáo cũng cần có hình phạt nghiêm, bắt cách ly khỏi đời sống xã hội để cải tạo và giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử cũng xem xét, tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Dương Quang T1 đều thành khẩn khai báo. Xét các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tài sản chiếm đoạt đều đã được thu hồi trả lại cho các bị hại nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[4] Xét các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Dương Quang T1 đều là người lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo qui định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[5] Đối với anh Hoàng Văn Minh, Nguyễn Văn Hưng, Nguyễn Hữu Phương có hành vi mua bán chiếc xe máy biển kiểm soát 30M6-1923, chị Khả Thị Thắm cùng P đến nhờ Minh bán xe máy biển kiểm soát 30M6-1923, anh Bùi Cao Huy là người trông giữ chiếc xe máy biển kiểm soát 29X5-33150, tuy nhiên khi mua bán chiếc xe máy trên thì anh Hưng, Minh, Phương, chị Thắm, anh Huy không biết là xe do trộm cắp được nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Hưng, Minh và Phương là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại anh Nguyễn Văn K, anh Trần Duy K và anh Nguyễn Văn Khoa đều đã nhận lại tài sản, không đề nghị gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu Phương đề nghị các đối tượng bán xe phải trả lại anh 17.000.000 đồng do anh Phương mua chiếc xe máy

BKS 30M6-1923. Chiếc xe này do P đưa Giấy đăng ký và xe máy cho Hưng để bán cho anh Nguyễn Hữu Phương. Sau đó, Hưng đã bán cho anh Phương chiếc xe trên với giá 17.000.000 đồng. Hưng mang toàn bộ số tiền về đưa cho P, P đưa cho H 1.500.000 đồng, còn 15.500.000 đồng P cầm chi tiêu hết. Cần buộc P và H hoàn trả cho anh Phương số tiền trên.

Bị cáo Phạm Văn P bán chiếc xe máy BKS 29L1-43954 do Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T trộm cắp của anh Trần Duy K, bán cho Dương Quang T1 thu lời bất chính số tiền 5.500.000 đồng. P đưa 2.000.000 đồng cho H, còn 3.500.000đ thì P hỏi vay H. Cần buộc Nguyễn Văn H nộp số tiền 2.000.000 đồng và Phạm Văn P nộp số tiền 3.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 05/9/2019, Cơ quan điều tra thu giữ của Dương Quang T1 01 xe máy BKS 29L1-43954 và 01 điện thoại di động Nokia có thuê bao 0363319889; thu giữ của Nguyễn Hữu Phương 01 xe máy BKS 30M6-1923. Ngày 06/9/2019, Cơ quan điều tra thu giữ của Phạm Văn P 01 điện thoại di động Nokia có thuê bao 0916506492, thu giữ Nguyễn Văn T 01 áo phong cộc tay, 01 đôi giày màu trắng, thu giữ của Bùi Cao Huy 01 chiếc xe máy không biển số, số khung 7544521, số máy 744504. Ngày 28/11/2019, Cơ quan điều tra thu giữ Nguyễn Văn H 01 xe máy BKS 36E1-34254. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra trả lại anh Nguyễn Văn K chiếc xe nhãn hiệu Honda Airblade, không biển số, số khung 7544521, số máy 744504; trả lại anh Nguyễn Văn Khoa 01 chiếc xe máy BKS 30M6-1923 cùng giấy đăng ký xe (mang tên anh Nguyễn Văn Tú là anh trai của anh Khoa); trả lại anh Trần Duy K 01 xe máy BKS 29L1-43954.

Cơ quan điều tra chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ để giải quyết theo quy định pháp luật 01 điện thoại di động Nokia có số thuê bao 0363319889 thu giữ của Dương Quang T1 và 01 điện thoại di động Nokia có số thuê bao 0916506492 thu giữ của Phạm Văn P; tại phiên tòa P và T1 khai có sử dụng những chiếc điện thoại trên để liên lạc với nhau khi trao đổi mua bán chiếc xe máy do trộm cắp, vì vậy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 áo phong cộc tay, 01 đôi giày màu trắng thu giữ đối với Nguyễn Văn T, tại phiên tòa T không yêu cầu gì nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy BKS 36E1-34254 xác định là của anh Vũ Minh Hoàng, sinh năm 2000 ở Phố Cát, xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình điều tra, anh Hoàng khai bị mất trộm chiếc xe máy trên vào cuối tháng 8/2019 tại tổ dân phố Tân Phong, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Chiếc xe máy trên, H khai là do H mượn của 01 người bạn xã hội tên là Nam ở huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể). Cơ quan điều tra chưa làm rõ được đối tượng tên Nam nên Cơ quan điều tra ra quyết định tách rút tài liệu liên quan đến chiếc xe máy BKS 36E1-34254 là có căn cứ.

Đối với chiếc xe máy Future mà H sử dụng đi trộm cắp tài sản ngày 03/8/2019, quá trình điều tra xác định xe máy trên là của ông Nguyễn Văn Quân, sinh năm 1970 ở thôn Định Trung, xã Phương Đình, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Việc H sử dụng xe máy trên đi trộm cắp tài sản, ông Quân không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Quân là có căn cứ.

[8] Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Dương Quang T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Tùng) 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án, bị cáo Nguyễn Văn H được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 15/9/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T (tức: T đen) 27 (Hai mươi bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 12/3/2020, bị cáo Nguyễn Văn T được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 15/9/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn P (tên gọi khác: Lượng) 14 (Mười bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 14 (Mười bốn) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 03/3/2020, bị cáo Phạm Văn P được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 15/9/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Quang T1 10 (Mười) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án, bị cáo Dương Quang T1 được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 15/9/2019.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự:

+ Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là anh Nguyễn Văn K, anh Trần Duy K và anh Nguyễn Văn Khoa đều đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Buộc Nguyễn Văn H và Phạm Văn P phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu Phương số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), trong đó H phải hoàn trả số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), còn P phải hoàn trả số tiền 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc Nguyễn Văn H nộp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và Phạm Văn P nộp số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính, để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

+ Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia có số thuê bao 0363319889 thu giữ của Dương Quang T1 và 01 điện thoại di động Nokia có số thuê bao 0916506492 thu giữ của Phạm Văn P.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo phong cộc tay, 01 đôi giày màu trắng thu giữ đối với Nguyễn Văn T (Vật chứng lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ và Công an huyện Đ, theo Biên bản giao nhận vật chứng và Công văn đề nghị phối hợp bảo quản vật chứng giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội ngày 14/5/2020).

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Dương Quang T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn P phải chịu 775.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Dương Quang T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CQTHAHS, CA huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA